

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/DS-ST

Ngày: 23/6/2023

“V/v tranh chấp đòi lại QSDĐ về ranh đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Mai Thị Dương Hải

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất về ranh đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Võ Văn C** và bà **Đặng Thị N**

Địa chỉ : Cùng Số 26 ấp Hoà Tân, xã Hoà Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Mười B**(chết) và ông **Nguyễn Quốc D**

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:***

1/ Ông **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1968

2/ Ông **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1975

3/ Bà **Nguyễn Kiều T**, sinh năm 1979

4/ Bà **Võ Thị Ánh H**, sinh năm 1945

Cùng Địa chỉ: Ấp Hoà Tân, xã Hoà Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Bà **Nguyễn Kiều O**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Hoà Nhạn, xã Hoà Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Bà **Nguyễn Kiều L**, sinh năm 1973

7/ Ông **Nguyễn D Đ**, sinh năm 1993

Cùng ngụ ấp H, xã H, huyện M – ST.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Lê Kim Y**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Hòa Tân, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

+ **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh**

T.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông C và bà N đều trình bày:

Ông, bà có phần đất tại thửa 253, tờ bản đồ số 05, diện tích 17.300m² tọa lạc ấp H, xã H, huyện M, đã được UBND huyện M cấp giấy Chứng nhận QSDĐ do ông C đứng tên. Thửa đất này có một cạnh dài khoảng 320m giáp ranh với thửa đất 257 và thửa 258 của ông Nguyễn Mười B. Phần đất này ông C được cha mẹ cho từ năm 1991, trong thời gian canh tác gia đình ông đắp bờ và be bờ chạy dài giáp với phần đất của ông Mười B. Còn phía ông Mười B không chừa bờ và đào 01 mương nước và 01 ao tôm sát phần của ông, quá trình sử dụng ông Mười B thường nạo vét mương đổ đất lên phần đất của ông B làm cho phần bờ của ông giáp ranh với mương nước của ông B bị sạt lở xuống mương. Đến tháng 6/2018 UBND huyện Mỹ Xuyên có thu hồi diện tích 8.400m² đất của ông để làm lộ, sau khi thu hồi thì phần đất của ông tại thửa 253 còn lại là 8.900m². Năm 2019 thì ông Mười B và con ông B là ông D có hành vi lấn chiếm ranh đất của ông có chiều ngang một đầu ranh là 01m, 01 đầu ranh 02m, chiều dài 320m, diện tích 480m², sự việc đã được chính quyền địa phương giải quyết là hai bên thống nhất theo cọc ranh đã cắm nhưng sau đó ông D dời cọc nên xảy ra tranh chấp. Ny ông C yêu cầu ông D hoàn trả lại cho ông phần đất lấn chiếm theo số đo thực tế là 267,2m².

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày ý kiến:

Gia đình của ông có phần đất thửa số 257, thửa 258 giáp với đất của ông C do cha ông là Nguyễn Mười B đứng tên QSDĐ (đã chết năm 2021) hiện Ny ông D và ông Cường là con ông B đang sử dụng hai thửa đất này. Ông Nguyễn Mười B và bà Võ Thị Ánh H có tất cả 5 người con gồm: Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Kiều T, Nguyễn Kiều O, Nguyễn Kiều L và 01 người con nuôi là Nguyễn Đ, sau khi cha ông chết thì phần đất hai thửa 257 và 258 là do ông trực tiếp quản lý sử dụng. Trước đây ông C có kiện ông Mười B về việc tranh chấp ranh đất và chính quyền địa phương có giải quyết thì hai bên thống nhất theo cọc ranh hai bên đã cắm, nhưng sau đó ông C có đào chân cọc lên đổ xi măng mà không cho ông hay còn việc có dời cọc ranh hay không thì ông không biết. Ny ông không đồng ý với yêu cầu của ông C vì gia đình ông không lấn chiếm đất của ông C như ông C trình bày.

- Tại đơn không yêu cầu giải quyết đề ngày 02/05/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh T, Sóc Trăng trình bày: Hộ ông Nguyễn Mười B và bà Võ Thị Ánh H có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 257; 258; 259; 447, tờ bản đồ số 5, diện tích 43.413m² để vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh T, Sóc Trăng. Ny ông C khởi kiện tranh chấp ranh đất với ông Nguyễn Mười B thì Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết

đối với khoản nợ ông Mười B đã vay của Ngân hàng vì vậy Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập. Nếu sau này có yêu cầu thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả lại phần đất lấn chiếm có số đo thực tế là 142.2m², không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả lại phần đất lấn chiếm có số đo thực tế còn lại là 125m². Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Các đương sự bà Võ Thị Ánh H, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Kiều T, bà Nguyễn Kiều O, bà Nguyễn Kiều L, Nguyễn D Đ, Lê Kim Y, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trước đây Toà án thụ lý vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh đất, Ny HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất về ranh đất thì mới đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

* Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và D hoàn trả lại phần ranh đất lấn chiếm số đo thực tế 267,2m² tại thửa số 253, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Hn, xã H 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng HĐXX xét thấy:

[1] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất mà các đương sự đang tranh chấp tọa lạc tại thửa 253, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp Hoà T, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo số đo thực tế có diện tích là 267,2m², có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Mười B có số đo 1,18m.
- Hướng tây giáp đất bà Võ Thị M có số đo 1,24 m.
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Mười B có số đo 317,4m.
- Hướng bắc giáp đất ông Võ Văn C có số đo 322,4m.

[2] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Theo ông C thì phần đất tranh chấp có nguồn gốc trước đây cha mẹ để lại cho ông sử dụng từ năm 1991 thì ông được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông sử dụng tới Ny. Còn bị đơn ông D cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Mười B và bà Võ Thị Ánh H sử dụng ổn định, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 1996.

[3] Xét về quá trình sử dụng đất thì thấy: Theo kết quả xác minh của những cán bộ công tác tại địa phương thì hai hộ ông Mười B và hộ ông C có đất giáp ranh với nhau, đã sử dụng ổn định từ xưa tới nay nhưng vào năm 2021 thì hai bên bắt đầu tranh chấp ranh với nhau, chính quyền địa phương đã giải quyết hoà giải thành, hai bên thống nhất cắm ranh bằng trụ đá hai đầu đất còn phần giữa đất thì kéo dây thẳng qua. Tuy nhiên sau đó thì phía ông C có đổ xi măng vào chân trụ đá, phía ông Mười B không đồng ý và cho rằng ông C dòi cọc ranh mà không cho bên ông Mười B hay nên xảy ra tranh chấp.

[4] Xét về hiện trạng phần đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp là một bờ đất ngăn cách giữa đất ông C và đất ông Mười B, không xây dựng công trình gì trên đất, hiện tại có 01 cọc đá làm trụ ranh, phía ông C cho rằng trụ đá này phía ông D đã dòi trụ đá cắm qua đất của ông, còn ông D thì cho rằng hiện tại ông thống nhất với trụ đá này là cột ranh giữa hai bên. Ngoài ra khi thẩm định phía ông C có đóng các cọc gỗ làm ranh đất của ông.

[5] - Xét về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Phía ông C cho rằng phần đất đang tranh chấp là phần đất của ông được quyền sử dụng và nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện M cấp cho ông vào ngày 13/12/1991 với tổng diện tích là 32.195m². Còn ông D thì cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của cha ông là Nguyễn Mười B được UBND huyện M cấp vào ngày 15/7/1996 với tổng diện tích 43.413m² và hiện bản gốc đã thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền.

[6] Tại Công văn số 607/UBND-VP, ngày 29/8/2022 của Ủy Ban nhân dân huyện M đã trả lời văn bản của Tòa án là việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông C và ông B là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Theo kết quả đo đạc thẩm định thì thửa đất số 253 của ông C có số đo thực tế là 16.436m², còn trong chứng nhận QSDĐ ông C được cấp là 17.300m². Còn số đo thực tế của phần đất của Mười B hiện do ông D đang sử dụng tại thửa 257 là 20.417,5m², trong giấy chứng nhận QSDĐ ông Mười B được cấp tại thửa 257 diện tích là 20.500m²; số đo thực tế của tại thửa 258 là 9.000m², trong giấy chứng nhận QSDĐ ông Mười B được cấp tại thửa 258 diện tích là 9.000m².

Như vậy nếu xem xét theo diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ so với số đo thực tế mà các hộ ông C và hộ ông Mười B đang sử dụng thì đều là thiếu đất, cụ thể hộ ông C thiếu 863,5m², nếu cộng thêm phần đất đang tranh chấp là 267,2m² nữa thì vẫn còn thiếu, còn hộ ông Mười B tại thửa 257 thiếu 82,5m², nếu cộng thêm phần đất đang tranh chấp là 267,2m² nữa thì sẽ dư, đối với thửa 258 thì đủ không dư không thiếu. Tuy nhiên theo văn bản trả lời của Ủy Ban nhân dân huyện M và văn bản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M thì vào thời điểm cấp giấy cho các hộ trước đây là cấp đại trà, hình thể thửa đất không có số đo đạc cụ thể. Do đó khi các bên tranh chấp ranh giới thì cần phải xem xét các chứng cứ khác để xác định phần đất tranh chấp thuộc phần đất của ai được quyền sử dụng hợp pháp.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương thì những cán bộ làm việc tại UBND xã H đều cho rằng trước đây hai bên có tranh chấp và đã được UBND xã hoà giải thành nhưng sau đó hai bên nhổ ranh cắm lại nên mới xảy ra tranh chấp và hiện tại không thể xác định được vị trí cọc ranh mà trước đây hai bên đã thoả thuận cắm.

Qua xem xét sơ đồ hiện trạng thửa đất thực tế và qua xem xét thẩm định tại chỗ và so sánh với sơ đồ lược thửa của thửa đất 257, 258 của ông Mười B giáp với thửa 253 trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông C thì cạnh của thửa 257, 258 là một đường thẳng, tuy nhiên trong sơ đồ hiện trạng thửa đất do cơ quan chuyên môn cung cấp tính từ đầu phần đất tranh chấp đến cuối phần đất tranh chấp thì có một đoạn bị gãy không thẳng. Nhưng nếu tính từ cọc gỗ do ông C chỉ ranh đầu ranh kéo ra đoạn giữa phần đất tranh chấp thì là đường thẳng phù hợp theo như sơ đồ trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông Mười B được cấp. Vì vậy HĐXX xác định ranh đất của ông C là vị trí cọc gỗ vị trí số 9 trong sơ đồ hiện trạng kéo thẳng tới vị trí số 6 là phần đất nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông C, phần này có tứ cận là hướng đông giáp đất của ông C và ông Mười B là góc nhọn không có số đo, hướng tây giáp bà Màng có số đo 1,24m, hướng Nam giáp đất của ông Mười B có số đo 148,71m, hướng bắc giáp đất ông C có số đo 153,73m, có diện tích là 142,2m². Còn vị trí trong sơ đồ là 6, 5, 4, 14, 13,6 do không nằm trên một đường thẳng như sơ đồ trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông Mười B được cấp nên phần này không phải đất của ông C mà là phần đất nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông Mười B. Vì vậy ông C yêu cầu Toà án buộc ông Mười B và ông D hoàn trả lại phần đất này là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Từ những phân tích như đã nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quốc D và những có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông C và bà N phần diện tích 142,2m² là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]- *Về án phí*: Căn cứ Khoản 1 Điều 12, Khoản 34 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí, tuy nhiên ông C là người cao tuổi, ông C có đơn xin miễn án phí, do đó ông C thuộc trường hợp không phải đóng tiền tạm ứng án phí. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Võ Thị Ánh H là người cao tuổi nhưng bà Hồng không hợp tác, không đến Toà án để tham gia hoà giải, xét xử và cũng không có đơn yêu cầu miễn án phí và tạm ứng án phí vì vậy bà Hồng không được miễn án phí theo quy định.

[10] Về chi phí định giá tài sản: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu ½ chi phí thẩm định, định giá tài sản, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải liên đới chịu ½ chi phí thẩm định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền chi phí định giá vì vậy bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự sẽ được rút kinh nghiệm, khắc phục trong thời gian tới.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, ; Điều 158; Khoản 1 Điều 165; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn C và bà Đặng Thị N.

- Buộc ông Nguyễn Quốc D, bà Lê Kim Y, bà Võ Thị Ánh H, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Kiều T, bà Nguyễn Kiều O, bà Nguyễn Kiều L, ông Nguyễn D Đ, phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Võ Văn C và bà Đặng Thị N phần đất lấn chiếm tọa lạc tại thửa số 253, tờ bản đồ số 15, có số đo thực tế là 142,2m² tọa lạc tại ấp Hoà T, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất ông C và ông Mười B là góc nhọn không có số đo.

- Hướng tây giáp đất bà Võ Thị M có số đo 1,24 m.

- Hướng Nam giáp đất ông Mười B có số đo 148,71 m.

- Hướng bắc giáp đất ông C có số đo 153,73m.

2/ Không chấp nhận đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn C và bà Đặng Thị N về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả phần đất tọa lạc tại thửa số 257; 258, tờ bản đồ số 15, có số đo thực tế là 125m² tọa lạc tại ấp Hoà T, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp thửa đất 254 có số đo 1,18m.

- Hướng tây giáp đất của ông C và ông Mười B là một góc nhọn không có số đo.

- Hướng Nam giáp đất ông Mười B có số đo 148,71 m.

- Hướng bắc giáp đất ông C có số đo 168,75m.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông C và bà N không phải chịu án phí .

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Nguyễn Quốc D, bà Võ Thị Ánh H, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Kiều T, bà Nguyễn Kiều O, bà Nguyễn Kiều L, Nguyễn D Đ phải liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3/Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn ông C và bà N phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền là 9.000.000đ, ông Nguyễn Quốc D, bà Võ Thị Ánh H, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Kiều T, bà Nguyễn Kiều O, bà Nguyễn Kiều L, bà Lê Kim Y, ông Nguyễn D Đ phải liên đới chịu số tiền là 9.000.000đ chi phí thẩm định, định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền

chỉ phí định giá vì vậy bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 9.000.00đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải